

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-11-2022

“*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Kiên và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị HG, sinh năm 1995 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã ĐS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hữu H, sinh năm 1995 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã ĐS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị HG trình bày: Chị Trương Thị HG kết hôn với anh Lê Hữu H năm 2015, đến năm 2017 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh H nghiện ma túy, không lo làm để chăm lo cho vợ con và anh H cũng đã đi cai nghiện bắt buộc từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay.

Chị HG cho rằng tình cảm đối với anh H không còn, hai bên đã không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị HG làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hữu Ph, sinh ngày 01/02/2017, hiện đang sinh sống cùng chị HG. Chị HG đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị HG giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Lời khai của anh Lê Hữu H trong quá trình giải quyết vụ án: Anh H thừa nhận việc kết hôn với chị Trương Thị HG, có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện như chị HG trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hữu Ph, sinh ngày 01/02/2017. Do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và anh H bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành hình phạt tù xong anh H lại tái nghiện ma túy hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 01, địa chỉ: Thôn 2, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông . Anh H cũng không còn tình cảm với chị HG nên đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, về con chung, anh H đề nghị được nuôi con, không đồng ý giao con chung cho chị HG trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Hữu H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh H, anh H đề nghị được vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm: Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị HG, cho chị Trương Thị HG được ly hôn với anh Lê Hữu H.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Hữu Ph, sinh ngày 01/02/2017 cho chị Trương Thị HG trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị HG không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Trương Thị HG phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002327 ngày 13/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị HG khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Hữu H có nơi cư trú tại thôn T, xã ĐS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông do đó đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị HG với anh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 07/4/2017, chị Trương Thị HG và anh Lê Hữu H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị HG và anh H là hợp pháp.

Xét thấy, cả chị HG và anh H đều cho rằng cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài, do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và đều thừa nhận nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh H nghiện ma túy, không chăm lo cho vợ con, đã bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện tại đang trong thời gian cai nghiện bắt buộc. Chị HG khẳng định hiện nay không còn tình cảm và không còn quan tâm đến anh H, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị HG. Hội đồng xét xử xét thấy, với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị HG và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị HG với anh H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị HG có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Hữu Ph, sinh ngày 01/02/2017 đến tuổi trưởng thành, anh H không đồng ý giao con cho chị HG và đề nghị Tòa án giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Lê Hữu Ph hiện nay đang do chị HG trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh H hiện đang trong thời gian cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy, không có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, cần giao con chung cho chị HG trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị HG không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị HG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị HG.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị HG được ly hôn với anh Lê Hữu H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hữu Ph, sinh ngày 01/02/2017 cho chị Trương Thị HG trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Lê Hữu H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có quyền ngăn cản. Nếu anh H lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con là chị HG có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Chị Trương Thị HG, anh Lê Hữu H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng khi cần thiết.

3. Về án phí: Chị Trương Thị HG phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị HG đã nộp theo biên lai số 0002327 ngày 13/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã Đắk Buk So;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu

